

# Bài 1: Nói từ

A Tiếng Trung

B Tiếng Việt

朋友

Ngày mai



学习

Bạn bè

水

Trường học

星期二

Học tập



学校

Thứ ba

明天

Nước

Bù pà màn, jiù pà zhàn

不怕慢, 就怕站。

Không sợ đi chậm, chỉ sợ đứng yên một chỗ.

# BÀI 2: ĐIỀN TỪ THÍCH HỢP

(请问、多少、喜欢、手机、学生、今天、工作、电脑)

1 你是\_\_\_\_\_吗？

2 这个\_\_\_\_\_多少钱？

3 你\_\_\_\_\_看电视吗？

4 你的\_\_\_\_\_号码是多少？

5 你家有\_\_\_\_\_人？

6 你有\_\_\_\_\_吗？



认识 / 很 / 你 / 高兴 / 。

你 / 吃 / 想 / 还是 / 西餐 / 中餐  
/ ?

住 / 宿舍 / 我 / 在 / 学校 / 。

你 / 为什么 / 汉语 / 学习 / ?

我 / 没有 / 今天 / 课。



# Bài 4: Nghe & Đọc đoạn hội thoại

汉娜: 你好！请问，超市在哪儿？

小贩: 超市在学校对面，很近。你要买什么？

汉娜: 我想买葡萄和面包。多少钱一斤？

小贩: 葡萄十五块一斤，面包三块一个。

汉娜: 太贵了！有没有便宜的？



## Sau đó trả lời các hỏi :



1. 超市在哪儿？

2. 葡萄多少钱一斤？

3. 面包多少钱一个？

4. 汉娜觉得葡萄怎么样？



## BÀI 5: VIẾT ĐOẠN VĂN

*Viết một đoạn văn ngắn (5-6 câu) về chủ đề  
"Cuộc sống hàng ngày của bạn" sử dụng các từ dưới đây:*

(每天、学校、学习、朋友、喜欢、  
吃饭、晚安、电视)

